

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0302807495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 12 năm 2016.

#### Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Ngọc Huấn	Chủ tịch
Ông Phạm Công Tú	Thành viên
Ông Tomohiro Fujita	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Ninh	Thành viên
Ông Phạm Tiến Hiệp	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Phạm Xuân Dương	Trưởng ban
Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Phạm Tiến Hiệp	Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Phạm Tiến Hiệp	Giám đốc
--------------------	----------

#### Trụ sở chính

22 Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

#### Chi nhánh

159 Đường Đồng Khởi, Khu phố 6, Phường Tam Hiệp  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

#### Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 30. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Tiến Hiệp  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 27 tháng 3 năm 2017



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt vào ngày 27 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 30.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Các vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2016 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



  
\_\_\_\_\_  
Hồ Ngọc Thăng  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
2262-2013-006-001  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5854  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2017



\_\_\_\_\_  
Trần Thị Cẩm Tú  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
2713-2013-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>106.932.288.867</b>	<b>149.979.234.039</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>29.580.286.979</b>	<b>86.000.470.207</b>
111	Tiền		9.325.286.979	11.159.219.642
112	Các khoản tương đương tiền		20.255.000.000	74.841.250.565
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>44.000.000.000</b>	<b>42.000.000.000</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<b>4</b>	44.000.000.000	42.000.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.415.268.666</b>	<b>3.413.564.584</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<b>5</b>	7.038.509.686	3.029.582.276
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.163.994.998	1.331.934.071
136	Phải thu ngắn hạn khác		654.157.240	1.493.441.495
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<b>6</b>	(2.441.393.258)	(2.441.393.258)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>25.267.720.673</b>	<b>16.793.569.764</b>
141	Hàng tồn kho	<b>7</b>	25.267.720.673	16.793.569.764
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.669.012.549</b>	<b>1.771.629.484</b>
152	Thuế GTGT được khấu trừ		1.669.012.549	1.771.629.484
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>164.564.012.219</b>	<b>96.699.773.090</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>300.000.000</b>	<b>311.800.000</b>
216	Phải thu dài hạn khác		300.000.000	311.800.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>105.255.040.339</b>	<b>48.255.676.468</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	<b>8</b>	105.255.040.339	48.255.676.468
222	Nguyên giá		285.785.318.838	207.943.670.480
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(180.530.278.499)	(159.687.994.012)
227	Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		92.000.000	92.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(92.000.000)	(92.000.000)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>52.007.660.948</b>	<b>46.181.501.512</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>9</b>	52.007.660.948	46.181.501.512
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.001.310.932</b>	<b>1.950.795.110</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	<b>10</b>	7.001.310.932	1.950.795.110
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>271.496.301.086</b>	<b>246.679.007.129</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>49.245.497.473</b>	<b>49.276.594.282</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>49.245.497.473</b>	<b>49.276.594.282</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	31.807.310.352	23.030.875.084
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.444.726.562	24.200.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	12	4.955.740.017	7.673.004.062
314	Phải trả người lao động		3.180.114.816	3.060.562.755
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		90.000.000	310.866.693
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	2.525.896.325	3.653.144.402
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	3.585.076.877	9.565.167.086
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		656.632.524	1.958.774.200
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>222.250.803.613</b>	<b>197.402.412.847</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>222.250.803.613</b>	<b>197.402.412.847</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15, 16	105.000.000.000	42.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		105.000.000.000	42.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	16	58.700.064.702	64.232.634.424
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16	58.550.738.911	91.169.778.423
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		58.550.738.911	91.169.778.423
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>271.496.301.086</b>	<b>246.679.007.129</b>



Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập



Lê Hồng Chi  
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hiệp  
Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016 VND	2015 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.561.464.206	191.173.860.196
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(600.600.000)	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.960.864.206	191.173.860.196
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(78.191.993.780)	(77.149.183.006)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.768.870.426	114.024.677.190
21	Doanh thu hoạt động tài chính	3.867.646.690	6.079.622.332
25	Chi phí bán hàng	(1.325.176.169)	(1.153.619.993)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(10.198.967.132)	(13.500.366.439)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	74.112.373.815	105.450.313.090
31	Thu nhập khác	531.166.770	14.090.969.508
32	Chi phí khác	(30.116.946)	-
40	Lợi nhuận khác	501.049.824	14.090.969.508
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	74.613.423.639	119.541.282.598
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(14.922.684.728)	(23.327.038.182)
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(2.972.043.989)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.690.738.911	93.242.200.427
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.660	21.724



Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập



Lê Hồng Chi  
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hiệp  
Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Mẫu số B 03 – DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016 VND	2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>74.613.423.639</b>	<b>119.541.282.598</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	21.413.106.454	15.689.021.248
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(3.867.646.690)	(6.079.622.332)
05	Lãi do thanh lý tài sản cố định	(9.883.058)	-
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>92.149.000.345</b>	<b>129.150.681.514</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(2.887.287.147)	4.422.784.517
10	Tăng hàng tồn kho	(8.474.150.909)	(13.243.314.403)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	2.035.398.321	(13.735.936.013)
12	Tăng chi phí trả trước	(5.050.515.822)	(1.365.321.572)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(16.827.038.182)	(26.081.332.283)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.369.719.672)	(3.153.755.323)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>58.575.686.934</b>	<b>75.993.806.437</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(84.268.746.703)	(61.380.087.978)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	40.000.000	-
23	Tiền gửi vào tài khoản có kỳ hạn tại ngân hàng	(16.000.000.000)	(31.000.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	14.000.000.000	-
27	Thu lãi cho vay	3.867.646.690	6.079.622.332
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(82.361.100.013)</b>	<b>(86.300.465.646)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	(32.634.770.149)	(35.039.836.835)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(32.634.770.149)</b>	<b>(35.039.836.835)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(56.420.183.228)</b>	<b>(45.346.496.044)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	86.000.470.207	131.346.966.251
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	29.580.286.979	86.000.470.207

Giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính được trình bày ở Thuyết minh 27.



Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập



Lê Hồng Chi  
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hiệp  
Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302807495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 12 năm 2016 nhằm mục đích thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Công ty được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn thành Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 24 tháng 4 năm 2013.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động viễn thông có dây (trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (chi tiết: lắp đặt trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, truyền hình);
- Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (chi tiết: mua bán trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, truyền hình);
- Lắp đặt hệ thống điện (chi tiết: dịch vụ lắp đặt truyền hình cáp, vệ tinh);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (chi tiết: cho thuê trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, truyền hình).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 313 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 336 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

### 2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

### 2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

### 2.7 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao và hao mòn*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị quản lý	3 năm
Tài sản cố định khác	3 năm
Phần mềm	3 năm

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này cũng như các loại tài sản cố định khác sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.9 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

### 2.12 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### 2.13 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### 2.14 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về khoản doanh thu tương ứng với dịch vụ sẽ được cung cấp cho khách hàng. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

### 2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh: kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.16 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng như sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

**(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

**2.17 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(b) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.19 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.20 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí hoa hồng, môi giới, tiếp thị và quảng cáo.

**2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ) và chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

**2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có thu nhập tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

### 2.23 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

### 2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.25 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh/khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Tiền mặt	848.603.896	961.562.758
Tiền gửi ngân hàng	8.476.683.083	10.197.656.884
Các khoản tương đương tiền (*)	20.255.000.000	74.841.250.565
	<u>29.580.286.979</u>	<u>86.000.470.207</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,0% - 5,6%/năm (2015: từ 4,0% - 5,9%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không nắm giữ khoản tiền và tương đương tiền nào có gốc ngoại tệ.

**4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31.12.2016		31.12.2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	44.000.000.000	44.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng bằng đồng Việt Nam và hưởng lãi suất 5,5% - 5,7%/năm (2015: từ 5,5% - 5,9%/năm).

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Bên thứ ba:		
Khách hàng lẻ	2.611.584.007	2.444.693.258
Khác	-	4.280.396
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	4.426.925.679	580.608.622
	<u>7.038.509.686</u>	<u>3.029.582.276</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán là 2.441.393.258 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.

**6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Số ngày quá hạn Ngày
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>				
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.441.393.258	-	(2.441.393.258)	Trên 365 ngày

**7 HÀNG TỒN KHO**

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Nguyên vật liệu tồn kho	24.879.834.281	16.354.108.064
Công cụ, dụng cụ	387.886.392	439.461.700
	<u>25.267.720.673</u>	<u>16.793.569.764</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, không có khoản dự phòng nào lập cho hàng tồn kho.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Mẫu số B 09 – DN

**8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa VND	Máy móc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	8.683.527.273	196.013.696.101	-	586.417.550	2.660.029.556	207.943.670.480
Mua trong năm	-	6.859.484.900	636.129.091	142.752.000	-	7.638.365.991
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 9)	-	70.804.221.276	-	-	-	70.804.221.276
Thanh lý, nhượng bán	-	(600.938.909)	-	-	-	(600.938.909)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	8.683.527.273	273.076.463.368	636.129.091	729.169.550	2.660.029.556	285.785.318.838
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	(1.302.529.095)	(155.467.226.405)	-	(366.963.729)	(2.551.274.783)	(159.687.994.012)
Khấu hao trong năm	(347.341.092)	(20.877.349.931)	(106.021.512)	(82.393.919)	-	(21.413.106.454)
Thanh lý, nhượng bán	-	570.821.967	-	-	-	570.821.967
Phân loại lại	-	221.168.883	-	(112.414.110)	(108.754.773)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	(1.649.870.187)	(175.552.585.486)	(106.021.512)	(561.771.758)	(2.660.029.556)	(180.530.278.499)
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.380.998.178	40.546.469.696	-	219.453.821	108.754.773	48.255.676.468
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.033.657.086	97.523.877.882	530.107.579	167.397.792	-	105.255.040.339

Nguyên giá của tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 151.880.257.616 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 136.102.528.795 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Mẫu số B 09 – DN

**9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2015</b> <b>VND</b>
Mạng cáp đồng trục VTVC Quận Thủ Đức	18.682.226.583	-
Nâng cấp và cải tạo mạng truyền hình cáp khu vực Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	6.813.850.338	2.433.444.000
Cải tạo tuyến cáp quang Nam Bình Chánh	6.098.511.086	2.277.456.647
Thi công cải tạo mạng quang và Headend	5.132.285.717	3.844.714.746
Các công trình khác	15.280.787.224	37.625.886.119
	<u>52.007.660.948</u>	<u>46.181.501.512</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	46.181.501.512	3.902.118.158
Tăng trong năm	76.630.380.712	71.229.014.041
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8)	(70.804.221.276)	(28.949.630.687)
Số dư cuối năm	<u>52.007.660.948</u>	<u>46.181.501.512</u>

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2015</b> <b>VND</b>
Công cụ, dụng cụ	6.918.502.268	1.790.025.000
Khác	82.808.664	160.770.110
	<u>7.001.310.932</u>	<u>1.950.795.110</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.950.795.110	493.984.996
Tăng trong năm	11.151.487.306	3.752.311.618
Phân bổ trong năm	(6.100.971.484)	(2.295.501.504)
Số dư cuối năm	<u>7.001.310.932</u>	<u>1.950.795.110</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Mẫu số B 09 – DN

**11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Bên thứ ba:		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Truyền thông HTV	9.299.950.725	4.622.964.104
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Công nghệ Thành Nam	9.186.401.200	11.151.003.170
Công ty TNHH Lô Giang	3.625.732.000	-
Khác	9.453.147.914	7.256.907.810
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	242.078.513	-
	<u>31.807.310.352</u>	<u>23.030.875.084</u>

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.922.684.728	6.827.038.182
Thuế thu nhập cá nhân	33.055.289	22.065.705
Thuế giá trị gia tăng	-	823.900.175
	<u>4.955.740.017</u>	<u>7.673.004.062</u>

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Phải nộp trong năm VND	Đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.827.038.182	14.922.684.728	(16.827.038.182)	4.922.684.728
Thuế giá trị gia tăng	823.900.175	16.109.209.388	(16.933.109.563)	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.065.705	913.725.005	(902.735.421)	33.055.289
Khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
	<u>7.673.004.062</u>	<u>31.949.619.121</u>	<u>(34.666.883.166)</u>	<u>4.955.740.017</u>

**13 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện số tiền khách hàng trả trước cho chi phí sử dụng dịch vụ truyền hình cáp từ 3 đến 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

**Mẫu số B 09 – DN**

**14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Bên thứ ba		
Ký quỹ của nhân viên	1.714.400.000	1.964.400.000
Khác	1.365.625.431	1.228.984.098
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	505.051.446	6.371.782.988
	<u>3.585.076.877</u>	<u>9.565.167.086</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có bất kỳ khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn.

**15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông**

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký	10.500.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.500.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.500.000	4.200.000

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31.12.2016		31.12.2015	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	5.355.000	51,00	2.142.000	51,00
Bà Phạm Thị Kim Chung	1.365.000	13,00	546.000	13,00
Viet Thanh Cable Investment Limited Company	1.312.500	12,50	525.000	12,50
Ông Phạm Công Tú	1.299.400	12,38	519.760	12,38
Ông Phạm Tiến Hiệp	972.500	9,26	389.000	9,26
Cổ đông khác	195.600	1,86	78.240	1,86
	<u>10.500.000</u>	<u>100</u>	<u>4.200.000</u>	<u>100</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Mẫu số B 09 – DN

**15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu thường VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1 và 31 tháng 12 năm 2015	4.200.000	42.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	6.300.000	63.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>10.500.000</u>	<u>105.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Mẫu số B 09 – DN

16 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	42.000.000.000	19.717.226.137	80.731.772.671	142.448.998.808
Lợi nhuận trong năm	-	-	93.242.200.427	93.242.200.427
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	44.515.408.287	(44.515.408.287)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.108.949.553)	(2.108.949.553)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(1.140.000.000)	(1.140.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(35.039.836.835)	(35.039.836.835)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	42.000.000.000	64.232.634.424	91.169.778.423	197.402.412.847
Vốn tăng trong năm (*)	63.000.000.000	(63.000.000.000)	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	59.690.738.911	59.690.738.911
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	57.467.430.278	(57.467.430.278)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(1.067.577.996)	(1.067.577.996)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (**)	-	-	(1.140.000.000)	(1.140.000.000)
Chia cổ tức (Thuyết minh 17) (***)	-	-	(32.634.770.149)	(32.634.770.149)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	105.000.000.000	58.700.064.702	58.550.738.911	222.250.803.613

(\*) Ngày 25 tháng 7 năm 2016, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành 6.300.000 cổ phiếu, tương đương với 63.000.000.000 đồng từ nguồn quỹ đầu tư phát triển theo báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(\*\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 12 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt việc trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 với số tiền lần lượt là 57.467.430.278 đồng, 2.000.000.000 đồng và 1.140.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã tạm trích 932.422.004 đồng cho quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã trích 1.067.577.996 đồng cho quỹ khen thưởng, phúc lợi.



**18 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm 2016 được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2015 cho quỹ khen thưởng, phúc lợi là 2,14%.

(\*\*) Do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế có chênh lệch so với số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm 2015, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	93.242.200.427	-	93.242.200.427
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(932.422.004)	(1.067.577.996)	(2.000.000.000)
	<u>92.309.778.423</u>	<u>(1.067.577.996)</u>	<u>91.242.200.427</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>4.200.000</u>	<u>-</u>	<u>4.200.000</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>21.979</u>	<u>(255)</u>	<u>21.724</u>

**19 DOANH THU**

	2016 VND	2015 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu dịch vụ truyền hình cáp	69.015.055.442	157.640.984.293
Doanh thu dịch vụ cho thuê tài sản	59.034.833.187	12.751.509.029
Doanh thu dịch vụ internet	14.363.842.566	8.260.967.597
Doanh thu dịch vụ SD, HD, K+	1.808.911.561	706.075.528
Doanh thu bán vật tư	448.310.452	1.297.361.107
Doanh thu hòa mạng	80.991.818	758.426.361
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	15.809.519.180	9.758.536.281
	<u>160.561.464.206</u>	<u>191.173.860.196</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Giảm giá dịch vụ	(600.600.000)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<u>159.960.864.206</u>	<u>191.173.860.196</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH**

Mẫu số B 09 – DN

**20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	66.606.155.116	66.550.675.514
Giá vốn hàng bán	6.436.051.546	8.758.917.665
Giá vốn cho thuê tài sản	5.149.787.118	1.839.589.827
	<u>78.191.993.780</u>	<u>77.149.183.006</u>

**21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.867.646.690	6.079.622.332
	<u>3.867.646.690</u>	<u>6.079.622.332</u>

**22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.117.640.466	5.556.878.190
Chi phí thuê văn phòng	2.195.999.846	2.675.053.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	760.612.405	895.552.492
Chi phí khác	3.124.714.415	4.372.881.826
	<u>10.198.967.132</u>	<u>13.500.366.439</u>

**23 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% (2015: 22%) như sau:

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	74.613.423.639	119.541.282.598
Thuế tính ở thuế suất 20% (2015: 22%)	14.922.684.728	26.299.082.171
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	14.922.684.728	26.299.082.171
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	14.922.684.728	23.327.038.182
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-	2.972.043.989
	<u>14.922.684.728</u>	<u>26.299.082.171</u>

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**24 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.018.970.984	9.649.048.164
Chi phí nhân công	34.691.636.581	34.136.171.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.413.106.454	15.689.021.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.653.269.997	29.253.254.162
Các chi phí khác bằng tiền	2.939.153.065	3.075.674.134
	<u>89.716.137.081</u>	<u>91.803.169.438</u>

**25 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là ngành viễn thông và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

## 26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam do nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty.

## (a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2016 VND	2015 VND
<b>i) Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty mẹ	85.417.011.843	19.078.510.425
<b>ii) Chi phí thuê văn phòng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt – công ty được sở hữu bởi một cổ đông	1.943.046.240	2.006.542.796
Ông Phạm Tiến Hiệp – cổ đông	336.000.000	336.000.000
Bà Phạm Thị Kim Chung – cổ đông	192.000.000	192.000.000
	<u>2.471.046.240</u>	<u>2.534.542.796</u>
<b>iii) Các giao dịch khác với Công ty mẹ</b>		
Mua vật tư	7.002.272.728	
Mượn nguyên vật liệu	6.344.570.468	-
Phí dịch vụ	4.203.372.763	-
Chi phí vật tư lắp đặt	3.952.783.399	-
Chi phí thuê thiết bị	2.689.218.000	-
Dịch vụ quản lý công tác tài chính, kỹ thuật	512.727.276	552.000.000
Phí bản quyền	-	2.002.000.000
	<u>24.704.944.634</u>	<u>2.554.000.000</u>
<b>iv) Cổ tức đã trả (Thuyết minh 17)</b>		
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam Viet Thanh Cable Investment Limited Company	16.643.732.776	17.870.316.786
Ông Phạm Công Tú	4.079.250.000	4.380.075.000
Bà Phạm Thị Kim Chung	4.038.535.200	4.336.357.680
Ông Phạm Tiến Hiệp	4.242.420.000	4.555.278.000
Ông Phạm Tiến Hiệp	3.022.530.000	3.245.427.000
Cổ đông khác	608.302.173	652.382.369
	<u>32.634.770.149</u>	<u>35.039.836.835</u>
<b>v) Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và lương và thưởng của Ban Giám đốc</b>		
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.140.000.000	1.140.000.000
Lương và thưởng của Ban Giám đốc	648.162.148	762.146.134

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Mẫu số B 09 – DN

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
<b>i) Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty mẹ	4.426.925.679	514.608.622
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt – một công ty được sở hữu bởi một cổ đông	-	66.000.000
	<u>4.426.925.679</u>	<u>580.608.622</u>
<b>ii) Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty mẹ	-	1.116.883.222
	<u>-</u>	<u>1.116.883.222</u>
<b>iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)</b>		
Công ty mẹ	242.078.513	-
	<u>242.078.513</u>	<u>-</u>
<b>iv) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 14)</b>		
Công ty mẹ	505.051.446	6.371.782.988
	<u>505.051.446</u>	<u>6.371.782.988</u>
<b>v) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Công ty mẹ	2.310.416.562	-
	<u>2.310.416.562</u>	<u>-</u>
<b>27 GIAO DỊCH TRỌNG YẾU KHÔNG SỬ DỤNG TIỀN MẶT</b>		
	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Phát hành cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển	63.000.000.000	-
	<u>63.000.000.000</u>	<u>-</u>



**28 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty sẽ trả mức tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Năm đầu tiên	2.734.734.394	4.585.369.728
Bốn năm tiếp theo	4.434.308.019	6.886.185.042
Từ năm thứ sáu đến năm thứ chín	1.131.300.000	2.396.946.267
<b>Tổng thanh toán tối thiểu</b>	<b>8.300.342.413</b>	<b>13.868.501.037</b>

**29 CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty sẽ được hưởng mức cho thuê tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Năm đầu tiên	46.620.000.000	-
Bốn năm tiếp theo	186.480.000.000	-
Từ năm thứ sáu đến năm thứ chín	186.480.000.000	-
<b>Tổng thanh toán nhận được tối thiểu</b>	<b>419.580.000.000</b>	<b>-</b>

**30 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 27 tháng 9 năm 2017.



Nguyễn Thị Nguyệt  
Người lập



Lê Hồng Chi  
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hiệp  
Giám đốc